

PHƯƠNG ÁN
Xây dựng tổ hợp môn học lựa chọn đối với lớp 10
Năm học 2023 - 2024

Thực hiện Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về Ban hành chương giáo dục phổ thông. Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Thực hiện Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thông tư sửa đổi một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường THPT Phan Thành Tài xây dựng phương án tổ hợp môn học lựa chọn đối với lớp 10 năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai kế hoạch tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2023 - 2024 của nhà trường.

- Xây dựng phương án tối ưu xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên của Nhà trường.

- Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

2. Yêu cầu

- Xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn phải đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Nhà trường.

- Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp.

- Khảo sát nhu cầu học tập của học sinh, chất lượng đầu vào các môn tổ hợp kỳ thi đại học để tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giúp học sinh trong việc lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp với năng lực của học sinh.

- Làm tốt công tác thông tin truyền thông để học sinh, cha mẹ học sinh hiểu rõ quy định về chương trình giáo dục trong giai đoạn định hướng hướng nghiệp ở cấp trung học phổ thông.

II. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA TRƯỜNG

1. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo.
- Công tác quản lý trường học ngày càng được nâng cao.
- Trang thiết bị dạy học cơ bản đảm bảo.
- Viên chức, người lao động trong đơn vị đoàn kết nhất trí thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.
- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài Nhà trường.
- Học sinh cần cù, chịu khó trong học tập.
- Sự hỗ trợ và đồng hành của cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ dạy - học của Nhà trường.

b) Khó khăn:

- Nhiều môn học lựa chọn trong nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật: Mỹ thuật, Âm nhạc, Ngoại ngữ 2 (ngoài Tiếng Anh) không có giáo viên giảng dạy.
- Trường xây dựng từ năm 2002 đến nay đã được 21 năm, cơ sở vật chất đã xuống cấp nhiều, trường chỉ đạt chuẩn kiểm định cấp độ 1. Về cơ sở vật chất chưa được đảm bảo đồng bộ ở tất cả các lĩnh vực, một số phòng chức năng chưa đạt chuẩn.

2. Tình hình trường lớp, đội ngũ

a) Phát triển mạng lưới trường, lớp

- Năm học 2023 - 2024, toàn trường dự kiến tổng số lớp: 33 lớp/1389 HS (Khối 10: 11 lớp/488 HS; Khối 11: 11 lớp/476 HS; Khối 12: 11 lớp/429 HS).

Năm học	Tổng số HS	Khối 12	Khối 11	Khối 10	Tỷ lệ HS/lớp
2022 - 2023	1345/33 lớp	440/11 lớp	429/11 lớp	476/11 lớp	40,76
2023 - 2024	1393/33 lớp	429/11 lớp	476/11 lớp	488/11 lớp	42,21

b) Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 86, trong đó:

- Cán bộ quản lý: 03 (01 Hiệu trưởng + 02 Phó Hiệu trưởng).
- Giáo viên: 74; cụ thể:

Môn	Số lượng	Trình độ chuyên môn			Ghi chú
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Ngữ văn	10	09	01		
Toán	13	06	07		
Vật lí	08	04	04		
Hoá học	08	08	0		
Sinh học	04	02	02		
Tin học	04	04	0		
Lịch sử	04	03	01		
Địa lý	04	04	0		
GDCD	02	02	0		
Tiếng Anh	09	05	04		
Thể dục	05	05	0		
GDQPAN	01	01	0		
Công nghệ	02	02	0		
Tổng cộng	74	57	17		

- Nhân viên trong biên chế: 09 (05 biên chế; 04 hợp đồng theo NĐ161). Trong đó: Văn thư: 01; Thư viện: 01, Y tế - thủ quỹ: 01; Hỗ trợ khuyết tật - Giáo vụ: 01; Kế toán: 01; Bảo vệ: 03; Tạp vụ: 01.

3. Cơ sở vật chất

- Nhà trường có 21 phòng học; 03 phòng thí nghiệm (Lý, Hóa, Sinh) và 01 phòng Lab.

- 02 phòng thực hành Tin học (55 máy).

- 01 thư viện (01 phòng kho sách, 01 phòng đọc).

- Khu hành chính (01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Kế toán, 01 Văn phòng, 01 phòng Truyền thống, 01 phòng Hội trường, 01 phòng Y tế, 01 phòng Đoàn Thanh niên, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Văn thư).

- Khu giáo dục thể chất: 01 sân bóng đá Mini (cỏ tự nhiên), 01 đường chạy điền kinh, 01 sân bóng rổ, 01 nhà đa năng; các dụng cụ thể dục, giáo dục Quốc phòng đầy đủ, đảm bảo cho việc dạy và học.

- 01 công trình nước sạch, 01 hệ thống xử lý nước bằng tia cực tím, 08 máy lọc nước RO.

- 01 nhà xe học sinh, 01 nhà xe giáo viên.

- 04 khu vệ sinh học sinh, 02 khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên.

- Thiết bị nghe, nhìn: 21 phòng đều có camera, màn chiếu, projector hoặc tivi phục vụ học tập tại 21 phòng học.

- Công nghệ thông tin: hệ thống wifi đảm bảo đầy đủ.

III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC CTGDPT 2018 Ở LỚP 10

1. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

Tất cả học sinh lớp 10 đều học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: 1: Ngữ văn; 2: Toán; 3: tiếng Anh; 4: Lịch sử; 5: Giáo dục thể chất (gồm

các môn tự chọn như sau: 02 lớp bóng chuyền, 02 lớp bóng đá, 03 lớp cầu lông, 04 lớp bóng rổ); 6: Giáo dục quốc phòng và an ninh; 7: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; 8: Nội dung giáo dục của địa phương.

2. Các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp

Để có cơ sở xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn đối với lớp 10 năm học 2023 - 2024 vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của Nhà trường; Trường THPT Phan Thành Tài tiến hành thực hiện các quy trình sau đây:

a) Khảo sát nhu cầu học tập của học sinh

- Nhà trường gửi phương án xây dựng tổ hợp môn học lựa chọn đối với lớp 10 năm học 2023 - 2024 đến một số trường THCS trên địa bàn huyện Hòa Vang, quận Cẩm Lệ, quận Thanh Khê, ngoài ra trường gửi qua trao đổi nội bộ cho phòng Giáo dục huyện Hòa Vang, phòng Giáo dục quận Cẩm Lệ, phòng Giáo dục quận Thanh Khê nhờ chuyển phương án đến các trường THCS có học sinh đăng ký thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT Phan Thành Tài.

- Sau khi học sinh trúng tuyển lớp 10 vào trường, trường phát phiếu khảo sát nhu cầu lựa chọn các tổ hợp môn học: Học sinh chọn 04 môn học trong các môn sau: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc).

b) Định hướng tổ hợp môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp

Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu lựa chọn tổ hợp môn của học sinh và phụ huynh học sinh; đồng thời phân công chuyên môn đối với khối 11, 12 (Phụ lục 1) để đưa ra tổ hợp môn vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của Nhà trường, vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh để học sinh đăng ký sau khi trúng tuyển vào lớp 10. Cụ thể như sau:

* **Tổ hợp môn 1** (Khối A, B, D,...): Vật lý + Hóa học + Sinh học + Tin học và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Vật lý + Hóa học. **Dự kiến 03 lớp (10/1; 10/2; 10/3).**

* **Tổ hợp môn 2** (Khối A, B, D,...): Vật lý + Hóa học + Sinh học + Công nghệ và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Vật lý + Hóa học. **Dự kiến 02 lớp (10/4; 10/5).**

* **Tổ hợp môn 3** (Khối A, D,...): Vật lý + Hóa học + GDKT&PL + Tin học và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Vật lý + Hóa học. **Dự kiến 02 lớp (10/6), 10/7.**

* **Tổ hợp môn 4** (Khối A, C, D,...): Vật lý + Hóa học + Địa lý + Công nghệ và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Văn + Lịch sử. **Dự kiến 02 lớp (10/8; 10/9).**

* **Tổ hợp môn 5** (Khối C, D,...): Địa lý + GDKT&PL + Công nghệ + Tin học và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Văn + Lịch sử. **Dự kiến 01 lớp (10/10).**

* **Tổ hợp môn 6** (Khối C, B, D,...): Hóa học + Sinh học + Địa lý + Tin học và Chuyên đề lựa chọn: Toán + Hóa + Sinh. **Dự kiến 01 lớp (10/11).**

c) Tư vấn, định hướng tổ hợp môn học phù hợp với năng lực của học sinh

Trước khi học sinh nhập học, nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ học sinh,

học sinh, khảo sát việc học sinh lựa chọn đối với 4 môn học từ các môn học lựa chọn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ, Tin học; Có thể dựa trên kết quả điểm tuyển sinh vào lớp 10 hoặc điểm trung bình cả năm một số môn của lớp 9 để tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh lựa chọn môn học.

Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường tư vấn cho học sinh và phụ huynh học sinh điều chỉnh nguyện vọng tổ hợp môn phù hợp với năng lực của các em. Khâu này rất quan trọng, vì các em lên lớp 11 muốn thay đổi tổ hợp môn thì rất khó khăn.

Trên đây là Phương án tổ hợp môn học lựa chọn đối với lớp 10 năm học 2023 - 2024 theo nguyện vọng của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên của Trường THPT Phan Thành Tài. Rất mong quý lãnh đạo, các trường THCS thông tin đến học sinh lớp 9 đang học tại các trường THCS có học sinh đăng ký tuyển sinh lớp 10 vào Trường THPT Phan Thành Tài biết, để có định hướng cho việc chọn lớp học phù hợp sau khi trúng tuyển vào lớp 10 của Trường THPT Phan Thành Tài năm học 2023 - 2024./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Chi bộ (để báo cáo);
- HT, các PHT (để thực hiện);
- Các Tổ trưởng (để thực hiện);
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Hà

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG THPT PHAN THÀNH TÀI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN THÀNH TÀI

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN NHU CẦU GIÁO VIÊN THEO TỪNG BỘ MÔN - HKI

STT	Khối	Số lớp	Tổng số	Các môn học bắt buộc								Chọn 04 môn học trong nhóm môn học lựa chọn							
				Toán học	Ngữ văn	Tiếng Anh	Lịch sử	GDTC	GDQP&AN	HĐTN, HN	GDDP	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Địa lý	GDK T & PL	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc
1	10	11	TS tiết/tuần	44	36	33	14	22	11	33	11	25	28	13	8	6	10	14	
			Nhu cầu GV	2.59	2.12	1.94	0.82	1.29	0.65	1.94	0.65	1.47	1.65	0.53	0.71	0.35	0.59	0.82	
2	11	11	TS tiết/tuần	42	40	33	18	22	11	33	11	20	12	12	14	4	12	20	4
			Nhu cầu GV	2.47	2.35	1.94	1.06	1.29	0.65	1.94	0.65	1.18	0.71	0.71	0.82	0.24	0.71	1.18	
3	12	11	TS tiết/tuần	55	44	44	22	22	11	0	0	22	33	22	11	11	11	11	
			Nhu cầu GV	3.24	2.59	2.59	1.29	1.29	0.65	0.00	0.00	1.29	1.94	1.29	0.65	0.65	0.65	0.65	
4			Số tiết 33 GVCN	36	8	20		0	0	0	0	28	28	8	0	0	0	4	
5	Các bộ môn phụ trách dạy Giáo dục địa phương			0	4		4							4	6	4			
6	Các bộ môn phụ trách dạy HĐTN, HN			21		15						18	12	0				0	
7	Số tiết KN/tuần: BGH, TT, TPCM, CTCĐ, BTĐ, TTCĐ, UVBCHCĐ, BTVD, TB, PBM, BDHSG			37.5	37	8	6	5	0	0	0	11	22	19	18.5	5	4	8	
8	Tổng số tiết theo môn/tuần			235.5	169	153	64	71	33	66	22	124	135	86	57.5	26	29	57	
9	Tổng GV cần			13.85	9.94	9.00	3.76	4.18	1.94	3.88	1.29	7.29	7.94	5.06	3.38	1.53	1.71	3.35	
10	GV hiện có			14	10	9	4	4.1	1.9			8	8	5	4	2	2	4	
11	Số tiết trung bình mỗi GV			16.82	16.90	17.00	16.00	17.32	17.37			15.50	16.88	17.20	14.38	13.00	14.50	14.25	HĐ
12	Dư, thiếu GV			0.15	0.06	0	0.24	-0.08	-0.04			0.71	0.06	-0.20	0.62	0.47	0.29	0.65	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN THÀNH TÀI

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN NHU CẦU GIÁO VIÊN THEO TỪNG BỘ MÔN - HKII

STT	Khối	Số lớp	Tổng số	Các môn học bắt buộc								Chọn 04 môn học trong nhóm môn học lựa chọn							
				Toán học	Ngữ văn	Tiếng Anh	Lịch sử	GDTC	GDQP & AN	HĐTN, HN	GDDP	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Địa lý	GDKT & PL	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc
1	10	11	TS tiết/tuần	44	36	33	25	22	11	33	11	25	28	13	8	6	10	14	
			Nhu cầu GV	2.59	2.12	1.94	1.47	1.29	0.65	1.94	0.65	1.47	1.65	0.53	0.71	0.35	0.59	0.82	
2	11	11	TS tiết/tuần	42	40	33	29	22	11	33	11	20	12	12	14	4	12	20	4
			Nhu cầu GV	2.47	2.35	1.94	1.71	1.29	0.65	1.94	0.65	1.18	0.71	0.71	0.82	0.24	0.71	1.18	
3	12	11	TS tiết/tuần	44	44	44	11	22	11	0	0	33	22	11	22	11	11	22	
			Nhu cầu GV	2.59	2.59	2.59	0.65	1.29	0.65	0.00	0.00	1.94	1.29	0.65	1.29	0.65	0.65	1.29	
4			Số tiết 33 GVCN	36	8	20		0	0	0	0	28	28	8	0	0	0	4	
5	Các bộ môn phụ trách dạy Giáo dục địa phương			0	4		4							4	6	4			
6	Các bộ môn phụ trách dạy HĐTN, HN			21		15						18	12	0				0	
7	Số tiết KN/tuần: BGH, TT, TPCM, CTCĐ, BTĐ, TTCĐ, UVBCHCĐ, BTVD, TB, PBM, BDHSG			33.5	33	4	2	5		0	0	7	18	15	14.5	1	4	4	
8	Tổng số tiết theo môn/tuần			220.5	165.00	149	71	71	33			113	108	71	74.5	26	29	64	4
9	Tổng GV cần			12.97	9.71	8.76	4.18	4.18	1.94			6.65	6.35	4.18	4.38	1.53	1.71	3.76	
10	GV hiện có			14	10	9	4	4.1	1.9			8	8	5	4	2	2	4	
11	Số tiết trung bình mỗi GV			15.75	16.50	16.56	17.75	17.32	17.37			14.13	13.50	14.20	18.63	13.00	14.50	16.00	
12	Dư, thiếu GV			1.03	0.29	0.24	-0.18	-0.08	-0.04			1.35	1.65	0.82	-0.38	0.47	0.29	0.24	HD

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN THÀNH TÀI

Phụ lục 3

BẢNG TÍNH TIẾT DẠY ĐỐI VỚI KHỐI 10 NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KỲ I

TT	Lớp	Tổ hợp môn	08 môn học bắt buộc								Chọn 04 môn học trong nhóm môn học lựa chọn								
			Toán	Văn	Anh	Lịch sử	GD TC	GD QP AN	GD TN, HN	GD ĐP	Vật Lý	Hóa học	Sinh học	Địa lý	GDKT &PL	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Tổng số tiết/tuần
1	10/1	1	4	3	3	1	2	1	3	1	3	3	2			2		28	
2	10/2		4	3	3	1	2	1	3	1	3	3	2			2		28	
3	10/3		4	3	3	1	2	1	3	1	3	3	2			2		28	
4	10/4	2	4	3	3	1	2	1	3	1	3	3	2		2			28	
5	10/5		4	3	3	1	2	1	3	1	3	3	2		2			28	
6	10/6	3	4	3	3	1	2	1	3	1	3	3		2		2		28	
7	10/7		4	3	3	1	2	1	3	1	3	3		2		2		28	
8	10/8	4	4	4	3	2	2	1	3	1	2	2		2	2			28	
9	10/9		4	4	3	2	2	1	3	1	2	2		2	2			28	
10	10/10	5	4	4	3	2	2	1	3	1				2	2	2	2	28	
11	10/11	6	4	3	3	1	2	1	3	1		3	3	2			2	28	
Tổng			44	36	33	14	22	11	33	11	25	28	13	8	6	10	14	308	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN THÀNH TÀI

Phụ lục 4

BẢNG TÍNH TIẾT DẠY ĐỐI VỚI KHỐI 10 NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KỲ II

TT	Lớp	Tổ hợp môn	08 môn học bắt buộc								Chọn 04 môn học trong nhóm môn học lựa chọn								
			Toán	Văn	Anh	Lịch sử	GD TC	GD QP AN	GDTN , HN	GD ĐP	Vật Lý	Hóa học	Sinh học	Địa lý	GDKT &PL	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Tổng số tiết/tuần
1	10/1	1	4	3	3	2	2	1	3	1	3	3	2				2		29
2	10/2		4	3	3	2	2	1	3	1	3	3	2				2		29
3	10/3		4	3	3	2	2	1	3	1	3	3	2				2		29
4	10/4	2	4	3	3	2	2	1	3	1	3	3	2		2				29
5	10/5		4	3	3	2	2	1	3	1	3	3	2		2				29
6	10/6	3	4	3	3	2	2	1	3	1	3	3			2		2		29
7	10/7		4	3	3	2	2	1	3	1	3	3			2		2		29
8	10/8	4	4	4	3	3	2	1	3	1	2	2		2		2			29
9	10/9		4	4	3	3	2	1	3	1	2	2		2		2			29
10	10/10	5	4	4	3	3	2	1	3	1				2	2	2	2		29
11	10/11	6	4	3	3	2	2	1	3	1		3	3	2			2		29
Tổng			44	36	33	25	22	11	33	11	25	28	13	8	6	10	14		319

